

PHỤ LỤC HIỆP Y ĐIỀU CHUYỂN NGUỒN KINH PHÍ NSNN GIAO NĂM 2023**CHO CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP****TRỰC THUỘC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NAM ĐỊNH**

(Kèm theo Công văn số /SGDDT-KHTC ngày tháng 8 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Nam Định)

Đơn vị tính: Triệu đồng

		Kinh phí điều chỉnh giảm		Kinh phí điều chỉnh tăng	
		KP TX chưa giao tự chủ	KPTX tự đảm bảo từ nguồn CCTL chưa giao tự chủ	KP TX giao tự chủ	KPTX tự đảm bảo từ nguồn CCTL giao tự chủ
I	Chi sự nghiệp Đào tạo	15,900	363	15,900	363
	Trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định (Loại Khoản: 070 - 093)	15,900	363	15,900	363
II	Chi sự nghiệp giáo dục	417,871	18,518	417,871	18,518
	Loại khoản 070 - 074	407,849	17,991	407,849	17,991
1	THPT Giao Thủy	11,802	512	11,802	512
2	THPT Giao Thủy B	10,946	523	10,946	523
3	THPT Giao Thủy C	9,288	381	9,288	381
4	THPT Quất Lâm	7,084	316	7,084	316
5	THPT Xuân Trường	11,076	490	11,076	490
6	THPT Xuân Trường B	11,248	524	11,248	524
7	THPT Xuân Trường C	7,024	324	7,024	324
8	THPT Ng Trường Thủy	6,593	302	6,593	302
9	THPT Hải Hậu A	11,229	496	11,229	496
10	THPT Vũ Văn Hiếu	7,089	363	7,089	363
11	THPT Hải Hậu B	8,322	431	8,322	431
12	THPT Hải Hậu C	10,091	406	10,091	406
13	THPT Thịnh Long	6,778	279	6,778	279
14	THPT Trần Quốc Tuấn	7,661	318	7,661	318
15	THPT An Phúc	6,091	232	6,091	232
16	THPT Trực Ninh	10,735	470	10,735	470
17	THPT Trực Ninh B	9,238	418	9,238	418
18	THPT Nguyễn Trãi	7,709	318	7,709	318
19	THPT Lê Quý Đôn	7,828	360	7,828	360
20	THPT Lý Tự Trọng	9,283	432	9,283	432
21	THPT Nam Trực	11,164	465	11,164	465
22	THPT Nguyễn Du	7,466	309	7,466	309
23	THPT Trần Văn Bảo	7,030	278	7,030	278

		Kinh phí điều chỉnh giảm		Kinh phí điều chỉnh tăng	
		KP TX chưa giao tự chủ	KPTX tự đảm bảo từ nguồn CCTL chưa giao tự chủ	KP TX giao tự chủ	KPTX tự đảm bảo từ nguồn CCTL giao tự chủ
24	THPT Nghĩa Hưng A	11,362	495	11,362	495
25	THPT Nghĩa Minh	5,705	239	5,705	239
26	THPT Nghĩa Hưng B	9,362	429	9,362	429
27	THPT Nghĩa Hưng C	9,472	396	9,472	396
28	THPT Trần Nhân Tông	5,845	220	5,845	220
29	THPT Lê Hồng Phong	26,985	780	26,985	780
30	THPT Trần Hưng Đạo	11,435	672	11,435	672
31	THPT Nguyễn Khuyến	10,546	629	10,546	629
32	THPT Ngô Quyền	10,690	574	10,690	574
33	THPT Nguyễn Huệ	8,532	474	8,532	474
34	THPT Hoàng Văn Thụ	9,405	412	9,405	412
35	THPT Lương Thế Vinh	7,210	301	7,210	301
36	THPT Nguyễn Bính	6,016	268	6,016	268
37	THPT Nguyễn Đức Thuận	6,546	276	6,546	276
38	THPT Tống Văn Trân	10,908	469	10,908	469
39	THPT Phạm Văn Nghị	9,727	402	9,727	402
40	THPT Mỹ Tho	10,318	470	10,318	470
41	THPT Lý Nhân Tông	5,841	251	5,841	251
42	THPT Đại An	6,888	304	6,888	304
43	THPT Đỗ Huy Liêu	5,306	218	5,306	218
44	THPT Mỹ Lộc	9,822	485	9,822	485
45	THPT Trần Văn Lan	7,153	280	7,153	280
	Loại khoản 070 - 075	10,022	527	10,022	527
46	TTGDTX Tỉnh	3,460	292	3,460	292
47	TTGDTX Trần Phú	2,652	235	2,652	235
48	TTKTTHHN Tỉnh	3,910		3,910	
	Tổng cộng:	433,771	18,881	433,771	18,881